

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
THÔNG TIN CHUNG	02
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	06-37
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-37

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hoạt động chính của Công ty là: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)) từ ngày 25 tháng 06 năm 2009.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch	
Ông Phạm Hồng Thái	Phó Chủ tịch	
Ông Trần Thoại	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 22/03/2013
Bà Lê Thị Thanh Thùy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 17/06/2013
Bà Đàm Ngọc Bích	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 17/06/2013

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Bà Phạm Thị Bích Hồng	Trưởng ban	
Ông Lương Đức Chính	Thành viên	
Ông Vũ Đức Trung	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày được bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Hoàng Đình Lợi	Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Đức Tiến	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Đình Lợi - Chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Lợi

Số: 478/2014/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) với tỷ lệ là 26,15% trên vốn chủ sở hữu của Công ty, vượt quá tỷ lệ quy định về hạn chế đầu tư tại khoản 4e, điều 44, Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc thành lập và hoạt động công ty chứng khoán. Tuy nhiên khoản đầu tư hầu hết được mua từ cuối năm 2010, trước thời điểm Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/12/2012 có hiệu lực. Do đó ngày 30 tháng 12 năm 2013, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội cũng đã có Công văn số 688/2013/CV-SHS gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (Vụ Thanh tra) báo cáo về vấn đề này cũng như cam kết có lộ trình thoái bớt cổ phiếu SHB để đưa tỷ lệ đầu tư về hạn mức theo đúng quy định hiện hành.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2014

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Tùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Kiểm toán viên

Lê Đức Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.863.579.566.928	1.428.151.628.714
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	892.685.928.463	739.501.000.366
111	1. Tiền		733.485.928.463	587.501.000.366
112	2. Các khoản tương đương tiền		159.200.000.000	152.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	252.295.926.060	218.739.523.132
121	1. Đầu tư ngắn hạn		339.569.721.182	341.824.209.736
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(87.273.795.122)	(123.084.686.604)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	704.926.435.096	456.328.543.592
131	1. Phải thu của khách hàng		4.138.930.000	428.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		85.822.697.500	85.615.695.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		16.913.616.339	19.027.182.356
138	5. Các khoản phải thu khác		808.079.196.153	552.416.005.808
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(210.028.004.896)	(201.158.339.572)
140	IV. Hàng tồn kho	7	97.314.712	108.172.449
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		13.573.962.597	13.474.389.175
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		788.746.072	542.405.751
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	8	12.188.448.530	12.188.448.530
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	9	596.767.995	743.534.894
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.068.636.490	63.435.095.360
220	II. Tài sản cố định		6.120.237.518	10.826.259.715
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.701.180.204	3.246.911.842
222	- Nguyên giá		13.354.564.500	16.332.466.411
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.653.384.296)	(13.085.554.569)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	4.419.057.314	7.579.347.873
228	- Nguyên giá		18.945.828.822	19.096.841.419
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14.526.771.508)	(11.517.493.546)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	45.600.000.000	45.000.000.000
253	3. Đầu tư chứng khoán dài hạn		64.800.000.000	64.800.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(19.200.000.000)	(19.800.000.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.348.398.972	7.608.835.645
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	1.757.055.271	2.380.813.977
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	14	4.073.333.102	2.764.175.530
268	4. Tài sản dài hạn khác		1.518.010.599	2.463.846.138
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.922.648.203.418	1.491.586.724.074

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.136.944.120.801	717.504.023.705
310	I. Nợ ngắn hạn		1.136.919.120.801	717.479.023.705
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	330.000.000.000	312.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		84.441.120	64.893.070
313	3. Người mua trả tiền trước		1.062.000.000	1.299.000.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.669.831.402	650.040.320
315	5. Phải trả người lao động		1.848.044.774	149.378.026
316	6. Chi phí phải trả	17	11.522.741.814	12.244.439.776
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	785.027.508.609	389.441.675.515
320	9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	19	5.087.981.600	456.804.432
321	10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		52.456.000	519.376.000
323	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		368.168.366	520.368.366
328	14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		195.947.116	133.048.200
330	II. Nợ dài hạn		25.000.000	25.000.000
333	3. Phải trả dài hạn khác		25.000.000	25.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		785.704.082.617	774.082.700.369
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	785.704.082.617	774.082.700.369
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		108.234.052.000	108.234.052.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.420.555.826	7.420.555.826
414	4. Cổ phiếu quỹ		(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		7.420.555.826	7.420.555.826
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(335.821.081.035)	(347.442.463.283)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.922.648.203.418	1.491.586.724.074

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
002	2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		53.365.330.000	53.365.330.000
003	3. Tài sản nhận ký cược		16.066.660.000	16.066.660.000
006	6. Chứng khoán lưu ký		4.804.183.980.000	4.211.954.590.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		2.981.397.440.000	3.265.750.330.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		243.069.730.000	40.695.450.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		2.737.219.210.000	3.225.054.880.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.108.500.000	-
012	6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		233.981.460.000	506.584.120.000
014	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		233.981.460.000	506.584.120.000
017	6.3. Chứng khoán cầm cố		1.464.105.600.000	332.117.400.000
018	- Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký		58.500.000.000	274.000.000.000
019	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		1.405.605.600.000	58.117.400.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		121.685.590.000	100.663.800.000
028	- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký		-	2.031.700.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		121.685.590.000	98.632.100.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		3.013.890.000	6.838.940.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		3.013.890.000	6.838.940.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		978.620.960.000	-
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		155.253.950.000	-
052	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		1.501.140.000	-
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		153.752.810.000	-
056	7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		197.010.000	-
058	- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		197.010.000	-
061	7.3. Chứng khoán cầm cố		823.000.000.000	-
063	- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		823.000.000.000	-
071	7.5. Chứng khoán chờ thanh toán		170.000.000	-
073	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		170.000.000	-
082	8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		15.999.260.000	15.999.260.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		30.000.000.000	30.000.000.000

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Thu Hằng

Trần Sỹ Tiến

Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu	21	134.985.669.030	365.883.972.595
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		25.016.368.852	21.221.589.791
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		50.836.525.994	273.263.660.814
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		5.952.985.650	-
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		7.204.294.616	2.617.376.868
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		2.750.400.536	1.358.663.158
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		4.778.268	14.795.834
01.9	Doanh thu khác		43.220.315.114	67.407.886.130
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.009.895.925	101.754.938
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	21	133.975.773.105	365.782.217.657
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	22	87.918.579.591	206.310.591.510
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		46.057.193.514	159.471.626.147
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	34.298.745.599	128.939.367.324
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.758.447.915	30.532.258.823
31	8. Thu nhập khác		64.735.498	259.111.986
32	9. Chi phí khác		201.801.165	10.042
40	10. Lợi nhuận khác		(137.065.667)	259.101.944
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.621.382.248	30.791.360.767
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>11.621.382.248</u>	<u>30.791.360.767</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	116	308

Người lập



Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Tổng Giám đốc



Hoàng Đình Lợi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		11.621.382.248	30.791.360.767
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		5.817.355.242	6.669.642.457
03	- Các khoản dự phòng		(27.541.226.158)	62.683.758.149
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(52.180.757.637)	(38.493.921.973)
06	- Chi phí lãi vay		25.460.303.180	79.054.215.121
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(36.822.943.125)	140.705.054.521
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(262.403.272.753)	(13.487.955.260)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		2.265.346.291	207.127.492.480
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		410.638.936.054	231.734.665.714
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		668.768.058	4.230.903.455
13	- Tiền lãi vay đã trả		(34.506.942.138)	(87.688.726.542)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.187.917.459	74.328.016
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(393.731.920)	(2.588.389.180)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		80.634.077.926	480.107.373.204
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(1.513.981.599)	(629.365.582)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		43.775.014	2.136.364
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.021.056.756	44.697.599.139
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		54.550.850.171	44.070.369.921
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		6.006.000.000.000	1.284.000.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.988.000.000.000)	(1.222.000.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(21.207.920)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		18.000.000.000	61.978.792.080

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		153.184.928.097	586.156.535.205
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		739.501.000.366	153.344.465.161
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>892.685.928.463</u>	<u>739.501.000.366</u>

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Thu Hằng

Trần Sỹ Tiến

Hoàng Đình Lợi

CÔNG
CHÍNH
NG K
A
AN K

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2013

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2013	
		VND	VND	VND	VND	
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	108.234.052.000	-	-	108.234.052.000	
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	7.420.555.826	-	-	7.420.555.826	
4.	Cổ phiếu quỹ	(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)	
8.	Quỹ dự phòng tài chính	7.420.555.826	-	-	7.420.555.826	
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(347.442.463.283)	11.621.382.248	-	(335.821.081.035)	
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		20	774.082.700.369	11.621.382.248	-	785.704.082.617

Năm 2012	Thuyết minh	01/01/2012	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2012	
		VND	VND	VND	VND	
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	-	-	1.000.000.000.000	
2.	Thặng dư vốn cổ phần	108.234.052.000	-	-	108.234.052.000	
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	7.420.555.826	-	-	7.420.555.826	
4.	Cổ phiếu quỹ	(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)	
8.	Quỹ dự phòng tài chính	7.420.555.826	-	-	7.420.555.826	
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(378.233.824.050)	30.791.360.767	-	(347.442.463.283)	
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		20	743.291.339.602	30.791.360.767	-	774.082.700.369

Người lập



Hoàng Thị Thu Hằng

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Tiến



Hoàng Đình Lợi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 66/UBCK-GP ngày 15 tháng 11 năm 2007, Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn, Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.000.000.000.000 đồng; tương đương 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Địa chỉ

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Artex Sài Gòn, số 236-238 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng

Số 97 - Lê Lợi - Phường Thạch Thang - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	04 năm
- Phần mềm giao dịch, kế toán	03 - 05 năm

Từ tháng 06/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.8 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu bán ra.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.10 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Cụ thể tại thời điểm 31/12/2013, giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán: Công ty Cổ phần Chứng khoán phố Wall, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia, Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Dương;

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	84.370.620	1.424.487.571.000
- Cổ phiếu	84.370.620	1.424.487.571.000
Của người đầu tư	1.450.131.513	16.219.263.012.420
- Cổ phiếu	1.437.901.993	14.937.244.023.500
- Trái phiếu	12.116.660	1.280.769.205.920
- Chứng chỉ quỹ	112.860	1.249.783.000
	<u>1.534.502.133</u>	<u>17.643.750.583.420</u>

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	68.369.534	48.854.705
Tiền gửi ngân hàng	549.793.347.315	452.609.134.830
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	182.270.956.868	128.393.610.543
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của công ty	292.953.453	576.470.527
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.060.301.293	5.872.929.761
Các khoản tương đương tiền (*)	159.200.000.000	152.000.000.000
	<u>892.685.928.463</u>	<u>739.501.000.366</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Long Biên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội. Lãi suất tiền gửi từ 6,3%/năm - 6,8%/năm, lãi trả sau.

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			339.569.721.182	341.824.209.736	164.781.840	595.388.068	(87.273.795.122)	(123.084.686.604)	252.460.707.900	219.334.911.200
Chứng khoán niêm yết			338.063.634.244	341.821.872.798	148.531.840	595.388.068	(87.271.711.284)	(123.082.489.966)	250.940.454.800	219.334.770.900
- ANV	-	200.000	-	2.231.342.310	-	-	-	(271.342.310)	-	1.960.000.000
- BSI	-	80.000	-	672.000.000	-	-	-	(360.000.000)	-	312.000.000
- CSM	115.000	55.000	4.077.500.000	1.192.875.211	62.500.000	83.124.789	-	-	4.140.000.000	1.276.000.000
- EFI	44	44	601.522	601.522	-	-	(311.122)	(346.322)	290.400	255.200
- HAG	6	20	126.600	547.598	-	-	(3.600)	(115.598)	123.000	432.000
- HPG	-	7	-	152.402	-	-	-	(5.402)	-	147.000
- ITA	8	33	51.279	200.955	1.521	-	-	(45.855)	52.800	155.100
- KLS	30	230	283.413	2.246.822	-	-	(16.413)	(291.822)	267.000	1.955.000
- L14	-	98.600	-	1.301.520.000	-	-	-	(788.800.000)	-	512.720.000
- LAF	9	9	146.031	146.031	-	-	(73.131)	(110.931)	72.900	35.100
- MBB	1.005.000	3.450.000	14.269.868.015	51.844.609.164	-	-	(1.506.368.015)	(8.719.609.164)	12.763.500.000	43.125.000.000
- OGC	600.004	-	6.675.042.520	-	-	-	(194.999.320)	-	6.480.043.200	-
- PGS	-	400.000	-	6.825.113.288	-	-	-	(25.113.288)	-	6.800.000.000
- PHC	416.750	425.050	5.580.577.690	6.051.383.838	-	-	(3.913.577.690)	(4.308.678.838)	1.667.000.000	1.742.705.000
- PHT	-	927.925	-	10.487.464.723	-	-	-	(4.919.914.723)	-	5.567.550.000
- PID	250.000	250.000	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	(775.000.000)	(750.000.000)	1.725.000.000	1.750.000.000
- PVX	54	54	297.009	248.426	-	48.574	(135.009)	-	162.000	297.000
- PVD	-	80	-	3.982.703	-	-	-	(982.703)	-	3.000.000
- REE	-	130.000	-	1.979.768.786	-	178.231.214	-	-	-	2.158.000.000
- S96	95	95	1.001.578	1.001.578	-	-	(697.578)	(602.578)	304.000	399.000
- SHB	22.531.538	22.231.538	205.454.957.099	203.084.957.099	-	-	(49.987.344.899)	(71.918.882.899)	155.467.612.200	131.166.074.200
- SJS	7	35.007	197.796	1.313.030.894	-	-	(68.296)	(549.878.294)	129.500	763.152.600
- SSI	950.000	360.000	17.021.350.478	5.535.656.084	78.649.522	332.343.916	-	-	17.100.000.000	5.868.000.000
- TSC	130.000	200.000	1.904.471.600	2.930.658.171	-	-	(734.471.600)	(1.630.658.171)	1.170.000.000	1.300.000.000
- VIC	8	1	504.890	66.000	55.110	-	-	-	560.000	66.000
- VRC	2.800.004	2.822.874	43.372.775.703	43.727.037.833	-	-	(28.252.754.103)	(28.765.805.633)	15.120.021.600	14.961.232.200
- HSG	345.023	3	14.903.661.796	51.838	-	5.762	(654.211.896)	-	14.249.449.900	57.600
- PET	1.010.002	2	22.217.799.332	29.703	-	-	(1.209.757.732)	(4.703)	21.008.041.600	25.000
- Các cổ phiếu lẻ khác	-	-	82.419.893	135.179.819	7.325.687	1.633.813	(41.920.880)	(71.300.732)	47.824.700	65.512.900
Chứng khoán Upcom			2.034.350	2.034.350	-	-	(1.824.750)	(1.903.050)	209.600	131.300
- VSP	41	41	1.405.350	1.405.350	-	-	(1.339.750)	(1.352.050)	65.600	53.300
- VTA	60	60	629.000	629.000	-	-	(485.000)	(551.000)	144.000	78.000

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán chưa niêm yết			1.504.052.588	302.588	16.250.000	-	(259.088)	(293.588)	1.520.043.500	9.000
- PXH	150.000	-	1.503.750.000	-	16.250.000	-	-	-	1.520.000.000	-
- MCV	10	10	236.000	236.000	-	-	(200.000)	(236.000)	36.000	-
- NTB	3	3	66.588	66.588	-	-	(59.088)	(57.588)	7.500	9.000
			339.569.721.182	341.824.209.736	164.781.840	595.388.068	(87.273.795.122)	(123.084.686.604)	252.460.707.900	219.334.911.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Ngõ 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Đầu năm			Số phát sinh trong năm		Cuối năm			Tổng số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng	428.000.000	330.000.000	-	8.622.763.650	4.911.833.650	4.138.930.000	330.000.000	-	(231.000.000)
- Phải thu dịch vụ tư vấn	428.000.000	330.000.000	-	8.433.737.650	4.727.807.650	4.133.930.000	330.000.000	-	(231.000.000)
- Phải thu hoạt động khác	-	-	-	189.026.000	184.026.000	5.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán	85.615.695.000	-	-	835.002.500	628.000.000	85.822.697.500	-	-	-
- Ứng trước dịch vụ tư vấn	615.695.000	-	-	835.002.500	628.000.000	822.697.500	-	-	-
- Ứng trước tiền hợp tác xây dựng tòa nhà văn phòng	85.000.000.000	-	-	-	-	85.000.000.000	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	19.027.182.356	-	18.957.182.356	5.256.095	2.118.822.112	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-
- Phải thu Sở Giao dịch chứng khoán	-	-	-	5.256.095	5.256.095	-	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	18.957.182.356	-	18.957.182.356	-	2.043.566.017	16.913.616.339	16.913.616.339	-	-
- Phải thu tổ chức phát hành (bảo lãnh phát hành) chứng khoán	70.000.000	-	-	-	70.000.000	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	552.416.005.808	337.805.954.589	-	8.130.706.128.989	7.875.042.938.644	808.079.196.153	342.161.180.997	-	(209.797.004.896)
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư	31.449.331.476	-	-	3.524.485.975.570	3.512.209.447.811	43.725.859.235	-	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác ba bên	106.366.864.555	1.983.265.919	-	1.963.811.529.214	1.926.817.322.238	143.361.071.531	-	-	-
- Phải thu hợp đồng margin	371.313.428.454	303.844.321.036	-	2.599.103.437.723	2.388.331.727.811	582.085.138.366	305.527.683.003	-	(190.629.397.085)
- Phải thu hỗ trợ khác cho nhà đầu tư	9.915.067.273	8.808.931.274	-	-	313.971.624	9.601.095.649	8.999.400.241	-	(2.738.380.623)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	20.480.985.352	20.279.922.120	-	20.168.134.094	23.940.909.346	16.708.210.100	16.244.583.513	-	(12.887.827.448)
- Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	820.000.000	820.000.000	-	7.072.345.695	7.072.345.695	820.000.000	820.000.000	-	(246.000.000)
- Phải thu khác	12.070.328.698	2.069.514.240	-	16.064.706.693	16.357.214.119	11.777.821.272	10.569.514.240	-	(3.295.399.740)
	657.486.883.164	338.135.954.589	18.957.182.356	8.140.169.151.234	7.882.701.594.406	914.954.439.992	359.404.797.336	-	(210.028.004.896)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Năm 2013</u>	<u>Năm 2012</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	201.158.339.572	108.600.710.442
Trích lập	8.869.665.324	92.557.629.130
Tại ngày cuối năm	<u>210.028.004.896</u>	<u>201.158.339.572</u>
7 . HÀNG TỒN KHO	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	97.314.712	108.172.449
	<u>97.314.712</u>	<u>108.172.449</u>
8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	12.188.448.530	12.188.448.530
	<u>12.188.448.530</u>	<u>12.188.448.530</u>
9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Tạm ứng	532.629.495	678.846.394
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	64.138.500	64.688.500
	<u>596.767.995</u>	<u>743.534.894</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Ngõ 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2013	12.285.362.264	3.294.576.582	752.527.565	16.332.466.411
Mua sắm	1.423.981.599	-	-	1.423.981.599
Thanh lý, nhượng bán	(1.021.745.353)	-	(111.606.725)	(1.133.352.078)
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(2.949.408.305)	-	(319.123.127)	(3.268.531.432)
Tại ngày 31/12/2013	9.738.190.205	3.294.576.582	321.797.713	13.354.564.500
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2013	10.195.935.374	2.423.140.616	466.478.579	13.085.554.569
Trích khấu hao	2.135.700.320	373.294.387	86.313.946	2.595.308.653
Thanh lý, nhượng bán	(924.654.853)	-	(97.398.344)	(1.022.053.197)
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(2.767.214.979)	-	(238.210.750)	(3.005.425.729)
Tại ngày 31/12/2013	8.639.765.862	2.796.435.003	217.183.431	11.653.384.296
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2013	2.089.426.890	871.435.966	286.048.986	3.246.911.842
Tại ngày 31/12/2013	1.098.424.343	498.141.579	104.614.282	1.701.180.204

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2013	19.096.841.419	19.096.841.419
Mua sắm	90.000.000	90.000.000
Giảm do hết thời gian sử dụng	(90.000.000)	(90.000.000)
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(151.012.597)	(151.012.597)
Tại ngày 31/12/2013	18.945.828.822	18.945.828.822
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2013	11.517.493.546	11.517.493.546
Trích khấu hao	3.222.046.589	3.222.046.589
Giảm do hết thời gian sử dụng	(90.000.000)	(90.000.000)
Giảm theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013	(122.768.627)	(122.768.627)
Tại ngày 31/12/2013	14.526.771.508	14.526.771.508
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2013	7.579.347.873	7.579.347.873
Tại ngày 31/12/2013	4.419.057.314	4.419.057.314

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán sẵn sàng để bán			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000
Chứng khoán chưa niêm yết			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000
- Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm SHB - Vinacomin	3.000.000	3.000.000	64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000
			64.800.000.000	64.800.000.000	-	-	(19.200.000.000)	(19.800.000.000)	45.600.000.000	45.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	2.380.813.977	6.830.839.546
Tăng	5.910.104.801	14.080.597.195
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(6.523.363.507)	(18.530.622.764)
Giảm khác	(10.500.000)	-
Tại ngày cuối năm	<u>1.757.055.271</u>	<u>2.380.813.977</u>
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	121.607.133	141.035.910
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.075.978.749	1.812.828.990
Chi phí tư vấn chờ phân bổ	323.041.172	304.363.262
Chi phí trả trước dài hạn khác	236.428.217	122.585.815
	<u>1.757.055.271</u>	<u>2.380.813.977</u>

14 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.378.052.515	2.364.377.161
Tiền lãi phân bổ trong năm	575.280.587	279.798.369
Số dư cuối năm	<u>4.073.333.102</u>	<u>2.764.175.530</u>

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	162.000.000.000	6.006.000.000.000	(5.838.000.000.000)	330.000.000.000
Vay ngân hàng	162.000.000.000	6.006.000.000.000	(5.838.000.000.000)	330.000.000.000
Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
Nợ ngắn hạn	150.000.000.000	-	(150.000.000.000)	-
	<u>312.000.000.000</u>	<u>6.006.000.000.000</u>	<u>(5.988.000.000.000)</u>	<u>330.000.000.000</u>
Chi tiết các khoản vay ngắn hạn			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
Vay ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh Long Biên			-	42.000.000.000
Vay ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (*)			330.000.000.000	120.000.000.000
			<u>330.000.000.000</u>	<u>162.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng:

(1) Hợp đồng tín dụng số 3112/2013/HĐTD/NH-PN/SHB Hà Nội ngày 31/12/2013 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 180.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: từ 31/12/2013 đến 02/01/2014;
- + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng tài khoản tiền gửi thanh toán số 1001085133 tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo hợp đồng cầm cố tài sản số 3112/2013/HĐCC-PN/SHB Hà Nội ngày 31/12/2013;
- + Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2013 là 180 tỷ đồng.

(2) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 49.2013/HDHM - PN/SHB.HO ngày 21/05/2013 và các phụ lục, khế ước kèm theo, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Giá trị hạn mức tín dụng: 400.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động hợp tác kinh doanh ký quỹ chứng khoán;
- + Thời hạn vay: được quy định cụ thể tại mỗi khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bao gồm các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết mà Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đang nắm giữ, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 231.066.700.000 đồng (theo Phụ lục Hợp đồng cầm cố tài sản số 24/045/2012/HĐCC-PN/SHB-SHS ngày 31/12/2013);
- + Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2013 là 150 tỷ đồng.

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	138.413.924	66.856.433
Thuế Thu nhập cá nhân	1.531.417.478	583.183.887
	1.669.831.402	650.040.320

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	88.750.000	9.135.388.958
Chi phí cơ hội hợp đồng môi giới chứng khoán	8.840.770.400	-
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	208.830.000	402.420.000
Chi phí phải trả khác	2.384.391.414	2.706.630.818
	11.522.741.814	12.244.439.776

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	31.306.825	21.841.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	178.190.820.561	147.268.297.244
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	-	133.290.359.872
Phải trả cổ tức cho cổ đông	317.102.449	317.102.449
Phải trả hợp đồng hợp tác ba bên	143.361.071.531	106.366.864.555
Nhận tiền đặt cọc Hợp đồng môi giới chứng khoán (*)	462.610.241.013	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	516.966.230	2.177.210.285
	<u>785.027.508.609</u>	<u>389.441.675.515</u>

(*) Đây là khoản Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty sẽ phải hoàn trả tiền cọc cho khách hàng kèm theo một khoản phí cơ hội theo thỏa thuận. Khoản phí cơ hội này được Công ty trích trước trên khoản mục Chi phí phải trả vào cuối mỗi tháng.

19 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<u>31/12/2013</u>	<u>01/01/2013</u>
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	-	138.881.600
Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	164.284.108
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	-	153.638.724
Phải trả nhà đầu tư	5.087.981.600	-
	<u>5.087.981.600</u>	<u>456.804.432</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2012							
Tại ngày 01/01/2012	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(378.233.824.050)	743.291.339.602
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	30.791.360.767	30.791.360.767
Tại ngày 31/12/2012	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369
Năm 2013							
Tại ngày 01/01/2013	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(347.442.463.283)	774.082.700.369
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	11.621.382.248	11.621.382.248
Tại ngày 31/12/2013	1.000.000.000.000	108.234.052.000	7.420.555.826	(1.550.000.000)	7.420.555.826	(335.821.081.035)	785.704.082.617

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Công Ty CP Tập đoàn T&T	123.270.000.000	12,33%	123.270.000.000	12,33%
Vốn góp của Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	82.180.000.000	8,22%	82.180.000.000	8,22%
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Cường	70.645.380.000	7,06%	70.645.380.000	7,06%
Vốn góp của các cổ đông khác	641.724.620.000	64,17%	641.724.620.000	64,17%
	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.000	155.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000	155.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	99.845.000	99.845.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	99.845.000	99.845.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu	134.985.669.030	365.883.972.595
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	25.016.368.852	21.221.589.791
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	50.836.525.994	273.263.660.814
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	5.952.985.650	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	7.204.294.616	2.617.376.868
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	2.750.400.536	1.358.663.158
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	4.778.268	14.795.834
- Doanh thu khác	43.220.315.114	67.407.886.130
Các khoản giảm trừ doanh thu	(1.009.895.925)	(101.754.938)
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	133.975.773.105	365.782.217.657

111105
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM T
ASO
KIỂM - T

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yên Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

22 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	4.601.186.689	3.928.120.760
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	22.502.643.564	115.064.134.040
Chi phí bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	2.805.287.085	-
Chi phí hoạt động tư vấn	1.397.239.090	938.535.821
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	2.215.755.558	1.972.579.320
Chi phí dự phòng	(36.410.891.482)	(29.873.870.981)
Chi phí khác	65.310.960.686	84.795.888.871
Chi phí trực tiếp chung	25.496.398.401	29.485.203.679
	87.918.579.591	206.310.591.510

23 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.825.211.363	15.630.701.138
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	693.179.951	1.250.287.401
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.914.593.418	2.956.857.087
Thuế, phí và lệ phí	394.378.181	249.560.874
Chi phí dự phòng	8.869.665.324	92.557.629.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.694.006.453	11.184.856.477
Chi phí khác bằng tiền	3.907.710.909	5.109.475.217
	34.298.745.599	128.939.367.324

24 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.621.382.248	30.791.360.767
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(425.454.229.882)	(447.174.706.074)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.070.884.575)	(25.188.485.428)
- Chuyển lỗ các năm trước	(416.383.345.307)	(421.986.220.646)
Tổng thu nhập tính thuế	(413.832.847.634)	(416.383.345.307)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(12.188.448.530)	(12.188.448.530)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

25 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	11.621.382.248	30.791.360.767
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	11.621.382.248	30.791.360.767
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	99.845.000	99.845.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	116	308

26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	892.685.928.463	-	739.501.000.366	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	829.131.742.492	(210.028.004.896)	571.871.188.164	(201.158.339.572)
Đầu tư ngắn hạn	339.569.721.182	(87.273.795.122)	341.824.209.736	(123.084.686.604)
Đầu tư dài hạn	64.800.000.000	(19.200.000.000)	64.800.000.000	(19.800.000.000)
	2.126.187.392.137	(316.501.800.018)	1.717.996.398.266	(344.043.026.176)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	330.000.000.000	312.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả	790.224.931.329	389.988.373.017
Chi phí phải trả	11.522.741.814	12.244.439.776
	1.131.747.673.143	714.232.812.793

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	892.685.928.463	-	-	892.685.928.463
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	619.103.737.596	-	-	619.103.737.596
Đầu tư ngắn hạn	252.295.926.060	-	-	252.295.926.060
Đầu tư dài hạn	-	45.600.000.000	-	45.600.000.000
	<u>1.764.085.592.119</u>	<u>45.600.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.809.685.592.119</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	739.501.000.366	-	-	739.501.000.366
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	370.712.848.592	-	-	370.712.848.592
Đầu tư ngắn hạn	218.739.523.132	-	-	218.739.523.132
Đầu tư dài hạn	-	45.000.000.000	-	45.000.000.000
	1.328.953.372.090	45.000.000.000	-	1.373.953.372.090

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	330.000.000.000	-	-	330.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	790.199.931.329	25.000.000	-	790.224.931.329
Chi phí phải trả	11.522.741.814	-	-	11.522.741.814
	1.131.722.673.143	25.000.000	-	1.131.747.673.143
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	312.000.000.000	-	-	312.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	389.963.373.017	25.000.000	-	389.988.373.017
Chi phí phải trả	12.244.439.776	-	-	12.244.439.776
	714.207.812.793	25.000.000	-	714.232.812.793

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

27 . CÁC KHOẢN TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN DOANH NGHIỆP NẮM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	183.331.258.161	134.266.540.304
	183.331.258.161	134.266.540.304

28 . CÔNG NỢ TIỀM TÀNG, VỤ VIỆC PHÁP LÝ CÓ LIÊN QUAN

Ngày 15/6/2010, Công ty Cổ phần Ô tô Giải Phóng (GMC) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn- Hà Nội (SHS) ký Hợp đồng dịch vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành cổ phiếu số 273/2010/HĐTV&BL-SHS (Hợp đồng).

Ngày 04/10/2010, GMC và SHS ký Cam kết bảo lãnh phát hành cổ phiếu (Cam kết bảo lãnh) theo đó SHS nhận bảo lãnh phát hành cổ phiếu cho GMC phát hành cho cổ đông hiện hữu (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng được UBCKNN cấp) theo phương thức sẽ cam kết mua toàn bộ số cổ phần-chào bán cho cổ đông hiện hữu còn lại không phân phối hết, với giá 12.000 đồng/cổ phần.

Trong đợt phát hành, GMC chỉ bán được 163.362 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Đến khi hết thời hạn của Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng (kể cả thời hạn được phép gia hạn theo quy định), GMC mới thông báo và yêu cầu SHS thực hiện nghĩa vụ mua 7.047.675 cổ phiếu chưa phân phối hết. Do đó, SHS không thể thực hiện yêu cầu của GMC.

GMC đã tiến hành khởi kiện đối với SHS tại Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm yêu cầu SHS thực hiện 50% trách nhiệm bảo lãnh phát hành, tức mua 3.523.842 cổ phần với giá 12.000 đồng/cổ phần tương đương với 42.861.100.000 đồng. Trong các ngày 23/12/2013 và ngày 30/12/2013, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội đã đưa vụ án tranh chấp hợp đồng dịch vụ tư vấn và bảo lãnh phát hành chứng khoán giữa nguyên đơn là GMC và bị đơn là SHS ra xét xử sơ thẩm.

Ngày 06/01/2014, SHS đã nhận được bản án Dân sự sơ thẩm số 15/2013/KDTM-ST ngày 30/12/2013 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội tuyên xử như sau: Do cả hai bên đều có lỗi trong việc thực hiện nghĩa vụ của mình, nhưng do GMC đã không chủ động nắm bắt số lượng cổ phiếu không bán hết để báo cho SHS thực hiện nghĩa vụ khi thời hạn phát hành vẫn còn nên GMC phải chịu 70% lỗi, SHS phải chịu 30% lỗi. Vì vậy, SHS có nghĩa vụ mua 2.114.305 cổ phần với giá 12.000 đồng/cổ phần tương đương 25.371.666.000 đồng. Hai bên thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu theo quy định của pháp luật chứng khoán. Tại thời điểm tuyên án, bản án chưa có hiệu lực và các bên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

SHS hoàn toàn không đồng ý với phán quyết của Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm. Do đó ngày 07/01/2014, SHS đã nộp đơn kháng cáo nội dung của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội theo đúng quy định của pháp luật để đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xem xét lại toàn bộ vụ án theo trình tự xét xử phúc thẩm. Ảnh hưởng cuối cùng của vụ tranh chấp, kiện tụng nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên phán quyết có hiệu lực của Tòa án có thẩm quyền. Công ty chưa phản ánh bất kỳ số liệu nào có liên quan đến vụ việc này vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2013.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI

Ngã 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

0. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn và dịch vụ khách hàng	Tư vấn và bảo lãnh phát hành	Các bộ phận khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	25.016.368.852	50.836.525.994	44.945.855.622	13.157.280.266	19.742.371	133.975.773.105
Chi phí bộ phận trực tiếp	38.168.980.715	(12.413.893.247)	62.967.446.934	6.364.756.510	27.130.034.278	122.217.325.190
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(13.152.611.863)	63.250.419.241	(18.021.591.312)	6.792.523.756	(27.110.291.907)	11.758.447.915
Tài sản bộ phận trực tiếp	5.909.693.250	309.892.918.391	901.689.612.540	4.157.518.591	-	1.221.649.742.772
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	700.998.460.646
Tổng tài sản	5.909.693.250	309.892.918.391	901.689.612.540	4.157.518.591	-	1.922.648.203.418
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	987.245.296.189	1.062.000.000	-	988.307.296.189
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	148.636.824.612
Tổng nợ phải trả	-	-	987.245.296.189	1.062.000.000	-	1.136.944.120.801

Theo khu vực địa lý

	Hội sở	Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Chi nhánh Thành phố Đà Nẵng	Tổng cộng các bộ phận	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	111.636.996.933	18.062.881.241	4.275.894.931	133.975.773.105	133.975.773.105
Tài sản bộ phận	1.681.804.273.811	215.476.002.943	25.367.926.664	1.922.648.203.418	1.922.648.203.418
Nợ phải trả bộ phận	993.629.144.190	124.542.593.844	18.772.382.767	1.136.944.120.801	1.136.944.120.801

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘITầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công Đoàn,
Số 1 Yết Kiêu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Cổ tức nhận được trong kỳ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	198.512.000	9.186.586.000
Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	1.800.000.000	3.000.000.000
Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	2.275.360.914	16.827.333.350

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Đầu tư cổ phiếu			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	205.454.957.099	203.084.957.099
Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	64.800.000.000	64.800.000.000
Phải trả về hợp tác ba bên			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	75.771.429.789	66.163.914.500
Khách hàng ứng trước			
Tổng Công ty CP Bảo hiểm SHB - Vinacomin	(*)	50.000.000	50.000.000
Số dư vay và nợ ngắn hạn			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	(*)	330.000.000.000	120.000.000.000

(*) Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội đồng thời là Chủ tịch của các tổ chức này.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.955.186.726	6.268.564.853

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Hoàng Thị Thu Hằng

Trần Sỹ Tiên

Hoàng Đình Lợi